

Bản án số: 525/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 4-6-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Công Ánh
2. Bà Lê Thị Mỹ Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 4 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 361/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Thanh P – sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: 303B Dãy A2, Chung cư K, đường Q, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 345 ấp 4, xã G, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Bà Trần Thị H – sinh năm 1964

Địa chỉ thường trú: 303B Dãy A2, Chung cư K, đường Q, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 127/9 đường S, Phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 9/5/2019 bà Trần Thị H có Đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 25/3/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn – ông Đỗ Thanh P trình bày: Ông và bà Trần Thị H tự nguyện kết hôn năm 1997 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 06; Quyền số: 1/97 do UBND Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/01/1997). Quá trình chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, từ năm 2013 đến nay đã ly thân. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 2 con chung là Đỗ Trần Bảo M – sinh năm 1997 và Đỗ Bảo C – sinh năm 1999. Hai con chung đã trưởng thành, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho bà H để tự khai nhưng bà H vắng mặt. Ngày 9/5/2019 bà H có Đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án, nên tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/5/2019 bà H vắng mặt.

Tại phiên tòa, Bị đơn – bà Trần Thị H vắng mặt.

Nguyên đơn – ông Đỗ Thanh P trình bày: Ông vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với bà H vì quá trình chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã, hai bên không thể nói chuyện được với nhau nên không có cách nào hàn gắn, từ năm 2013 đến nay đã ly thân. Hai con chung đã trưởng thành, tài sản chung và nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H do bà H có nơi cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông P thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn ông P có mặt. Ngày 9/5/2019 Bị đơn – bà H có Đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu ly hôn của ông P, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số: 06; Quyền số: 1/97 do UBND Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/01/1997 thì hôn nhân của ông P và bà H là hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo ông P quá trình chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, từ năm 2013 đến nay đã ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, bà H đã không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án để giải quyết yêu cầu của ông P, ngày 9/5/2019 bà H có Đơn xin vắng mặt thể hiện bà H không muốn gặp ông P, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các bên là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông P để các bên cùng ổn định cuộc sống.

[5] Về con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số: 237; Quyền số: I/97 do UBND Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/9/1997 và bản sao Giấy khai sinh số: 207; Quyền số: 2/99 do UBND Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/8/1999 thì chị Đỗ Trần Bảo M – sinh ngày 29/8/1997 và chị Trần Bảo C – sinh ngày 06/8/1999 là con chung của ông Đỗ Thanh P và bà Trần Thị H. Chị Đỗ Trần Bảo M, Trần Bảo C đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Ông P trình bày không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết, nếu sau này bà Hảo có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về án phí: Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 8, 9, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – ông Đỗ Thanh P.

a. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Thanh P được ly hôn bà Trần Thị H.

b. Về con chung: Có 02 con chung là Đỗ Trần Bảo M – sinh năm 1997 và Đỗ Bảo C – sinh năm 1999. Hai con chung đã thành niên.

c. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đỗ Thanh P trình bày không có, nếu sau này bà Trần Thị H có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

2/ Về án phí: Ông Đỗ Thanh P phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được căn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Đỗ Thanh P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0038190 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo: Ông Đỗ Thanh P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

5/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương